

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM - PETROLIMEX

XẾP HẠNG 12 THÁNG

MUA

Giá đóng cửa 27/6/2024	₫41.300
Giá mục tiêu 12 tháng	₫50.400
Lợi nhuận kỳ vọng	22,1%

HIỆU QUẢ KINH DOANH CỐT LÕI TĂNG TRƯỞNG TỐT

Thông tin cập nhật:

- Kết quả kinh doanh Q1.2024 lạc quan, doanh thu tăng 11,4%, lợi nhuận trước thuế tăng 72%:** Doanh thu đạt 75.106 tỷ đồng (+11,4% yoy), Lợi nhuận trước thuế đạt 1.441 tỷ đồng (+72%yoy). Chủ yếu do sản lượng bán và hiệu quả kinh doanh tăng tốt khi lợi nhuận gộp đạt 4.669 tỷ đồng (+31,2%yoy), biên lợi nhuận gộp đạt 6,2%, tăng 18% so với mức 5,2% cùng kỳ 2023. Doanh thu và chi phí tài chính đều giảm trong kỳ lần lượt 12,5% và 1,9%. Lợi nhuận công ty liên kết cũng giảm 24,2% về mức 111 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt tăng 13,9% và 15,0%.
- Kế hoạch kinh doanh 2024 thận trọng:** Kế hoạch sản lượng xuất bán năm 2024 là 13,03 triệu tấn (trt), trong đó công ty mẹ là 10,23 trt, lần lượt bằng 90,5% và 96% thực hiện 2023. Kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế lần lượt là 188.000 tỷ đồng và 2.900 tỷ đồng, bằng 68,5% và 73,8% của năm 2023.
- Sản lượng tiêu thụ xăng dầu cả nước 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 12,3 triệu tấn.** Cụ thể trong quý 1 là khoảng 6 trt, quý 2 vào khoảng 6,3 trt. Sản lượng xăng dầu sản xuất 6 tháng đầu năm đạt 8,7 trt (+8,9%), nhập khẩu đạt 5,5tr tấn (+6,3%), xuất khẩu đạt 1,18trt (+6,0%).

Triển vọng phát triển lạc quan

- Sản lượng xăng dầu năm 2024 dự báo tăng trưởng 5%-6% trong những năm tới:** Với vai trò và năng lực kinh doanh xăng dầu của công ty, khi nhu cầu xăng dầu trong năm 2024 tiếp tục tăng trưởng, chúng tôi dự báo sản lượng kinh doanh tăng trưởng bền vững cùng với hiệu quả gia tăng.
- Kịch bản nhu cầu xăng dầu tăng hơn 9,2% trong năm 2024:** Bộ Công thương yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đầu mỗi xây dựng kịch bản nhu cầu xăng dầu các loại năm 2024 đạt 28,42 trt, tăng 2,4 trt (+9,2% yoy), đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu xăng dầu trong nước.
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu tiếp tục được điều chỉnh bám sát thị trường.** Nghị định số 80/2023/NĐ-CP sửa đổi bổ sung NĐ95 (2021) và NĐ 83 (2014) có hiệu lực từ ngày 17/11/2023. Theo đó, 1) Giá bán lẻ xăng dầu điều chỉnh theo tuần (thứ Năm hàng tuần) để bám sát tình hình biến động của thị trường xăng dầu quốc tế; 2) Thời gian rà soát, công bố lại các chi phí vận chuyển và premium trong giá cơ sở cũng được rút ngắn từ 6 tháng xuống còn 3 tháng; 3) Đại lý bán lẻ xăng dầu được lấy từ tối đa 3 nguồn, thay vì chỉ 1 nguồn như quy định trước đó.

Cho năm 2024, chúng tôi dự báo sản lượng kinh doanh khả năng đạt 15,11 triệu tấn (+5%yoy), Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế có thể đạt 288.858 tỷ đồng và 4.195 tỷ đồng, lần lượt bằng 105,4% và 106,3% của năm 2023. Bỏ qua lợi nhuận thoái vốn PGBank năm 2023, lợi nhuận kinh doanh cốt lõi có thể tăng 28,6%.

Định giá cổ phiếu

Định giá cổ phiếu theo phương pháp chiết khấu dòng tiền, giá trị cổ phiếu được xác định ở mức 50.400 đồng/cổ phần, cao hơn 22,1% so với thị giá hiện tại. Chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu PLX.

THÔNG TIN GIAO DỊCH

Mã giao dịch	HSX: PLX
KLGD TB 52 tuần (tr cp)	1,26
Khối lượng lưu hành (tr cp)	1.270,59
Biên độ 52 tuần	31.900 đ - 43.200 đ
Vốn hóa (tỷ VND)	53.873
Beta	0,96

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU PLX



CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	Q1.2023	Q1.2024	2024F
Doanh thu	273,979	67,432	75,106	288,858
Tăng trưởng DT	-9.9%	0.6%	11.4%	5.4%
Lợi nhuận gộp	15,264	3,559	4,669	271,806
Lợi nhuận trước thuế	3,947	838	1,441	4,195
Lợi nhuận sau thuế	3,077	667	1,133	3,356
EBIT	5,671	1,220	1,816	5,277
EBITDA	7,856	1,750	2,328	7,212
Tài sản ngắn hạn	57,309	44,728	58,284	61,826
Tài sản dài hạn	22,367	23,911	22,448	21,265
Tổng tài sản	79,676	68,639	80,732	83,091
Nợ phải trả	50,473	40,212	50,419	52,691
Vốn chủ sở hữu	29,202	28,427	30,313	30,400
D/E	1.73	1.41	1.66	1.73
EPS	2,230	488	844	2,474
BV	20,415	19,717	21,249	21,308

Chuyên viên phân tích

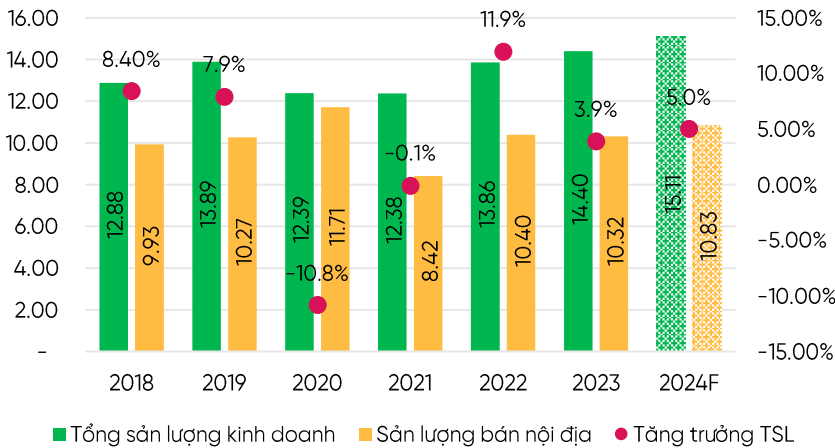
Chu Thế Huỳnh

Huyhct@vpbanks.com.vn

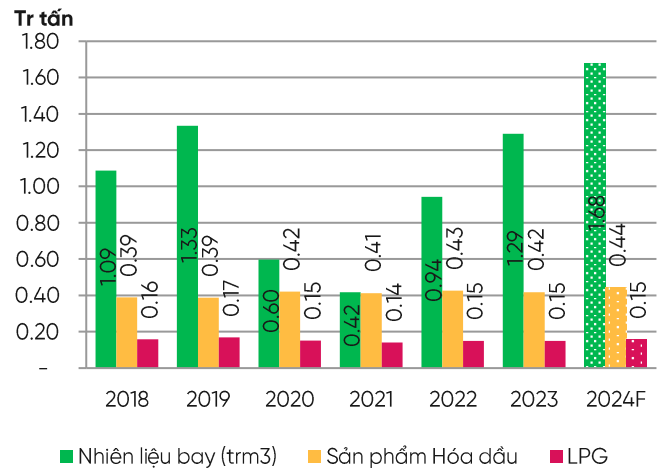
Nguồn: BCTC PLX, VPBankS Research tổng hợp

SẢN LƯỢNG KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH

Sản lượng kinh doanh xăng dầu



Sản lượng kinh doanh đơn vị thành viên



Nguồn: PLX, VPBankS Research tổng hợp và dự báo

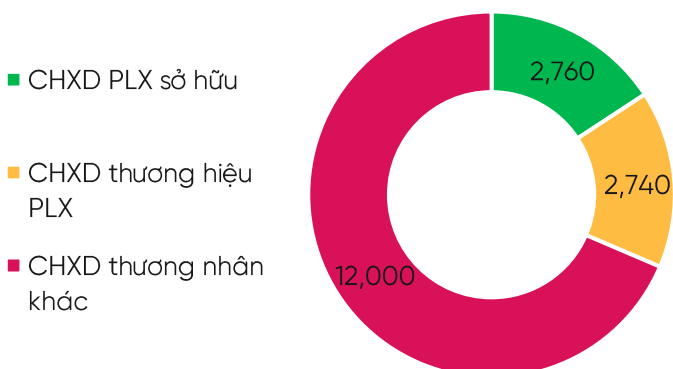
- **Sản lượng kinh doanh hồi phục tốt sau dịch Covid19.** Sản lượng kinh doanh xăng dầu các loại năm 2023 đạt 14,4 triệu tấn tăng 3,9% so với 2022. Riêng sản lượng bán nội địa đạt 10,32 triệu tấn, tương đương của năm 2022. Trước đó, trong năm 2022, sản lượng kinh doanh tăng mạnh 11,9%.
- Sản lượng sản phẩm nhiên liệu bay cũng tăng trưởng mạnh mẽ 37% trong năm 2023 sau khi đã hồi phục 126% trong năm 2022.

Trong năm 2024, với nhu cầu thị trường xăng dầu được dự báo tăng mạnh do kinh tế thương mại hồi phục, với vị thế là đơn vị đầu ngành, chúng tôi dự báo sản lượng kinh doanh bán hàng có thể tăng 5%, đạt 15,11 triệu tấn xăng dầu các loại.

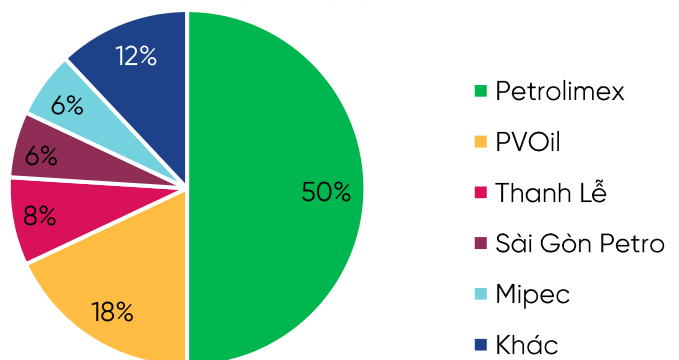
Hệ thống Cửa hàng xăng dầu của PLX

- Đến cuối năm 2023 hệ thống cửa hàng xăng dầu mang thương hiệu PLX là khoảng 5.500 CHXD, chiếm 45% tổng số CHXD trên toàn quốc. Số CHXD do PLX sở hữu đạt 2.760, chiếm 23%.
- **Thị phần kinh doanh xăng dầu chiếm 50% toàn bộ thị trường:** năm 2022, sản lượng kinh doanh của PLX chiếm 50% toàn thị trường, sản lượng bán lẻ đạt 7,02 triệu tấn, chiếm khoảng 27% thị phần. Điều này cho thấy hiệu quả bán hàng trung bình trên mỗi CHXD của PLX vượt trội 44% so với các CHXD của thương nhân khác.

Hệ thống cửa hàng xăng dầu của PLX



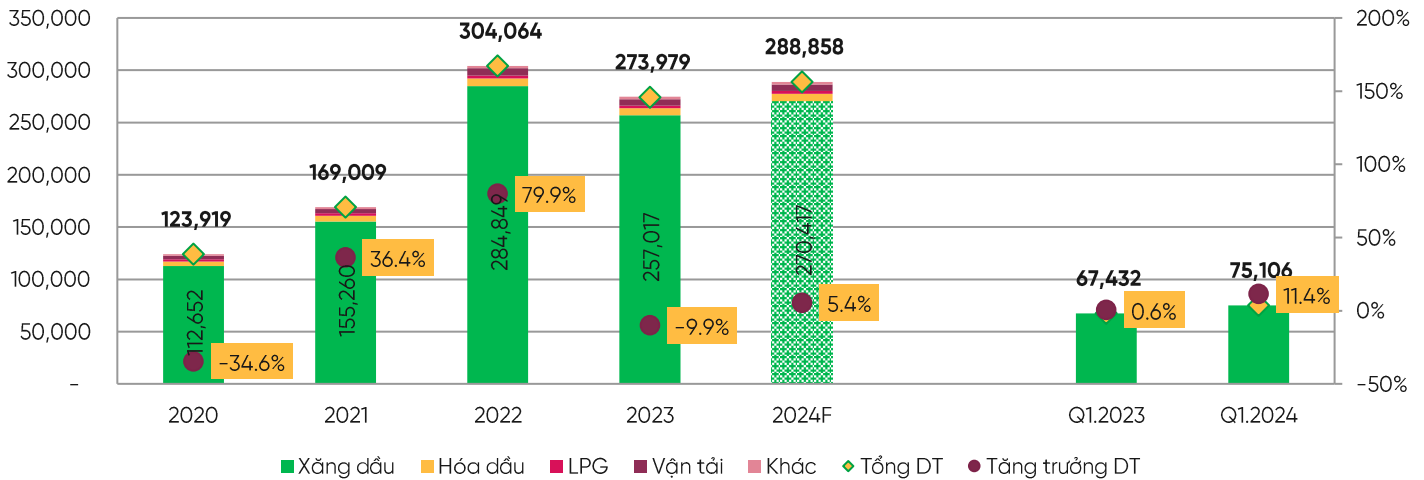
Thị phần kinh doanh xăng dầu năm 2022-2023



Nguồn: Bộ Công thương, PLX, VPBankS Research tổng hợp

THOẠI VỐN NGOÀI NGÀNH VÀ GIA TĂNG HIỆU QUẢ KINH DOANH

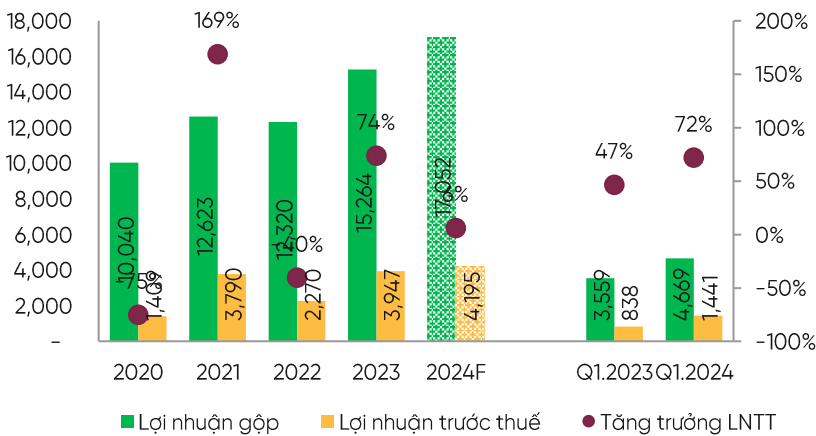
Doanh thu và tăng trưởng



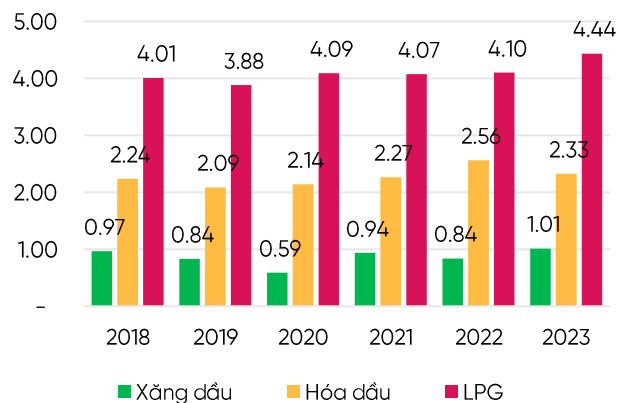
Nguồn: BCTC PLX, VPBankS Research tổng hợp và dự báo

- **Doanh thu Q1.2024 tăng 11,4% so với cùng kỳ 2023:** Doanh thu đạt 75.106 tỷ đồng (+11,4% yoy), trong đó chủ yếu là doanh thu xăng dầu các loại, trong khi doanh thu hóa dầu đạt 1.598 tỷ đồng (-19%yoy) và doanh thu LPG đạt tỷ đồng 1.024 tỷ đồng (+4,7% yoy).
- Trong năm 2023, doanh thu đạt 273.979 tỷ đồng, giảm 9,8% so với 2022, trong khi sản lượng kinh doanh tăng 3,9%, điều này chủ yếu do giá xăng dầu trong năm giảm 11,5%-12,3% với xăng RON 95 và E5.

Lợi nhuận hoạt động



Lợi nhuận gộp theo sản lượng (tỷ đồng/tấn)

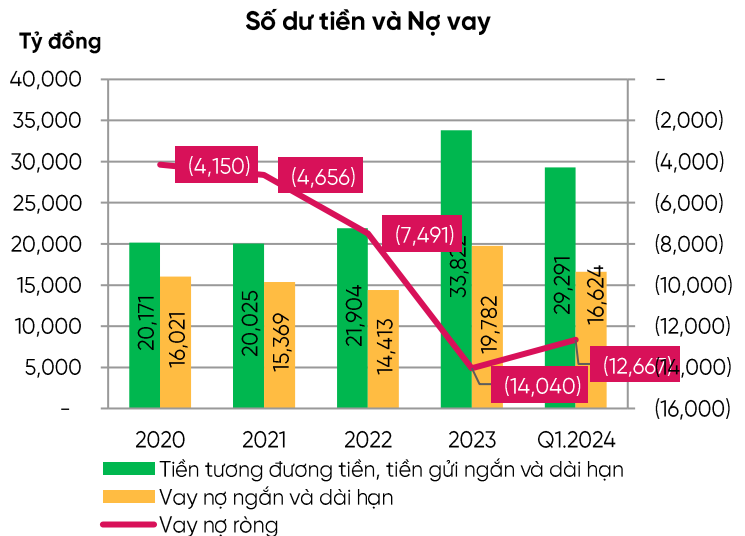
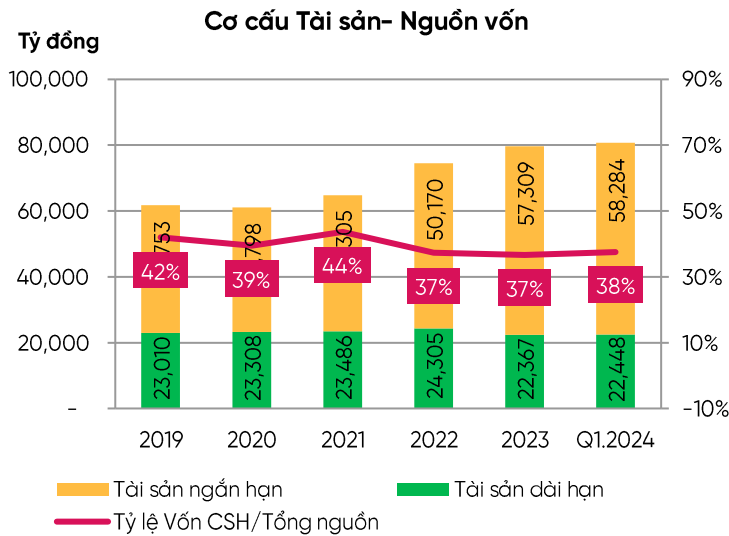


Nguồn: BCTC PLX, VPBankS Research tổng hợp và dự báo

- Lợi nhuận gộp Quý 1.2024 đạt 4.669 tỷ đồng, tăng 31,2% yoy, biên lợi nhuận gộp tăng 18% lên mức 6,2%, hiệu quả kinh doanh đã tốt hơn so với cùng kỳ năm trước khi thị trường xăng dầu đi vào ổn định. Doanh thu và chi phí tài chính đều giảm lần lượt 12,5% và 1,9% trong kỳ. Lợi nhuận công ty liên kết cũng giảm 24,2% về mức 111 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt tăng 13,9% và 15,0%.
- Kết quả là Lợi nhuận trước thuế đạt 1.441 tỷ đồng, tăng mạnh 71,8% yoy, Lợi nhuận sau thuế đạt 1.133 tỷ đồng, tăng 70% yoy. Công ty hoàn thành 49,7% kế hoạch lợi nhuận cả năm.
- Trước đó, năm 2023 lợi nhuận trước thuế đạt 3.947 tỷ đồng (+74%yoy) nhờ hoạt động kinh doanh xăng dầu hồi phục, mặt khác công ty cũng thực hiện thoái vốn khoản đầu tư vào PGBank và ghi nhận 685 tỷ đồng lợi nhuận.

Cho năm 2024 Chúng tôi dự báo với giá dầu ở mức trung bình 82.5 usd/thùng (dầu Brent), sản lượng kinh doanh các loại tăng 5%, tổng doanh thu của công ty có thể đạt 288.858 tỷ đồng, tăng 5,4% so với 2023. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 4.195 tỷ đồng và 3.356 tỷ đồng, tăng 6,3% và 9,1% so với 2023. Thu nhập mỗi cổ phần có thể đạt 2.474 đồng.

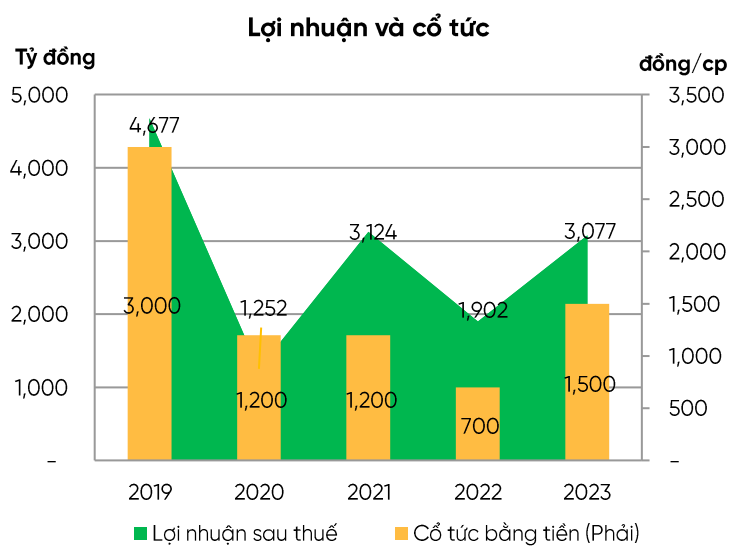
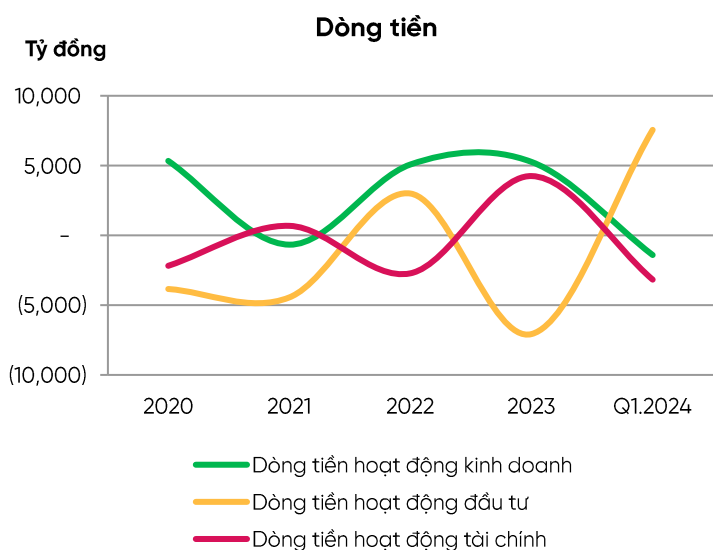
THOẢI VỐN NGOÀI NGÀNH - TÀI CHÍNH BỀN VỮNG



Nguồn: BCTC PLX, VPBankS Research tổng hợp

Quy mô tài sản tăng lên, cơ cấu tài chính lành mạnh.

- Tổng tài sản đến cuối quý 1.2024 đạt 80.732 tỷ đồng (+1,3%), tài sản ngắn hạn đạt 58.284 tỷ đồng, chiếm 72,2% tổng tài sản, tài sản dài hạn đạt 22.448 tỷ đồng, chiếm 27,8% tổng tài sản, lần lượt tăng 1,7% và 0,4% so với đầu năm.
- Công ty duy trì khoản tiền, tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn và dài hạn giá trị lớn với 29.291 tỷ đồng, giảm 13,4% so với đầu năm. Bên nguồn vốn, công ty cũng giảm nợ vay ngắn và dài hạn 16,0% xuống 16.624 tỷ đồng. Mặc dù giá trị vay nợ ở mức khá cao từ 15 đến gần 20 nghìn tỉ, vay nợ ròng luôn ở giá trị âm. Công ty cũng tranh thủ được nguồn vốn phải trả của các đối tác.
- Giá trị vốn chủ sở hữu đạt 30.313 tỷ đồng, tăng 3,8% so với đầu năm và chiếm 37,5% tổng nguồn. Chúng tôi đánh giá tình hình tài chính của công ty ổn định.
- Dòng tiền hoạt động kinh doanh đều dương lớn và vượt qua lợi nhuận sau thuế các năm qua (riêng năm 2021 bị âm) cho thấy quản trị tài chính của công ty được thực hiện tốt. Dòng tiền hoạt động đầu tư năm 2023 âm lớn chủ yếu do công ty gia tăng đầu tư tài chính (tiền gửi ngắn hạn)



Nguồn: BCTC PLX, VPBankS Research tổng hợp

DỰ BÁO VÀ ĐỊNH GIÁ

Giả thiết:

- Chúng tôi giả định sản lượng kinh doanh xăng dầu các loại của công ty sẽ tăng trưởng từ 5%-6% trong giai đoạn 2024-2030. hiệu quả kinh doanh dần tăng lên, biên lợi nhuận gộp giữ ổn định ở mức từ 5,9%-6,0%.
- Hoạt động kinh doanh tiếp tục được kiểm soát tốt với khoản phải thu và hàng tồn kho ở mức từ 20-25 ngày, trong khi hàng tồn kho ở mức từ 14-16 ngày. Công ty cũng tận dụng mối quan hệ tốt với các đối tác để đảm bảo khoản phải trả ở mức hiện tại (40-45 ngày).
- Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư tài sản cố định theo kế hoạch năm 2024 với giá trị đầu tư mỗi năm khoảng 1.000 tỷ đồng đến 2028.

Định giá:

- Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu xác định ở mức 11.6% dựa trên lãi suất phi rủi ro là lãi suất Trái phiếu chính phủ 10-15 năm huy động trong tháng 4-5/2024 ở mức 2.6%, phần bù rủi ro thị trường là 9%, beta cổ phiếu PLX trong giai đoạn 2022-2024 đạt 0.96. Chi phí sử dụng vốn bình quân WACC là 10,11%. Tăng trưởng dòng tiền tự do sau năm 2028 là 1,5%.

Sử dụng phương pháp định giá DCF, giá trị cổ phiếu PLX được xác định ở mức 50.400 đồng/cổ phần. Cao hơn 22,1% so với thị giá hiện tại. Chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu PLX.

Định giá theo DCF_FCFE

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Chi phí vốn Chủ sở hữu	%	11.60%
Tăng trưởng dòng tiền thuần sau năm 2028	%	1.50%
Hiện giá dòng tiền thuần giai đoạn 2024E - 2028E	tỷ đồng	16,813
Hiện giá dòng tiền sau năm 2028E	tỷ đồng	38,642
Tiền tương tiền cuối 2024	tỷ đồng	32,081
Giá trị doanh nghiệp	tỷ đồng	87,536
Nợ vay cuối năm 2024	tỷ đồng	20,282
Giá trị Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	63,928
Số lượng cổ phần	tr cp	1,271
Giá trị mỗi cổ phần	đồng	50.313

Định giá theo DCF_FCFE

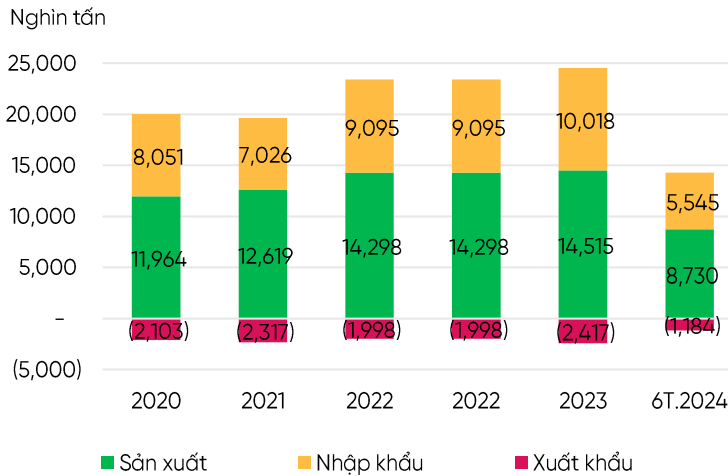
Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Chi phí vốn bình quân WACC	%	10.11%
Tăng trưởng dòng tiền thuần sau năm 2028	%	2%
Hiện giá dòng tiền thuần giai đoạn 2024E - 2028E	tỷ đồng	14,247
Hiện giá dòng tiền sau năm 2028E	tỷ đồng	43,471
Tiền tương tiền cuối 2024	tỷ đồng	29,193
Giá trị doanh nghiệp	tỷ đồng	86,910
Nợ vay cuối năm 2024	tỷ đồng	20,282
Giá trị Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	64,182
Số lượng cổ phần	tr cp	1,271
Giá trị mỗi cổ phần	đồng	50.514

Giá trị trung bình mỗi cổ phần

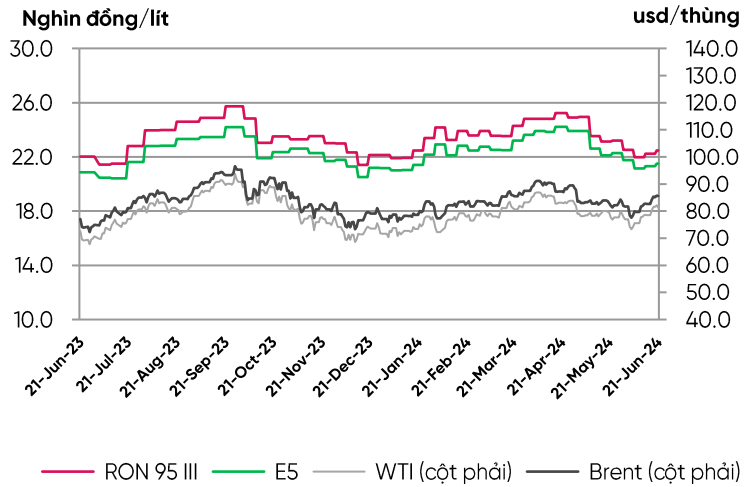
Phương pháp định giá	Giá trị định giá
- FCFE	50.313
- FCFE	50.514
Giá trị trung bình mỗi cổ phần	50.414

THỊ TRƯỜNG XĂNG DẦU TRONG NƯỚC

Xăng dầu SX và XNK của Việt Nam



Giá bán lẻ xăng dầu trong nước



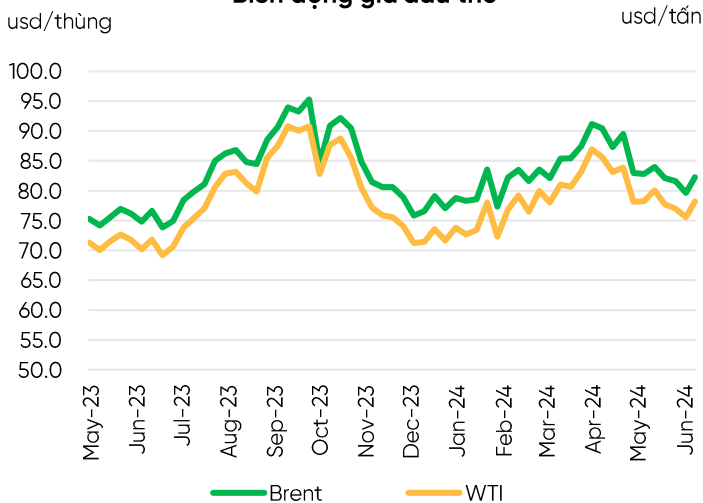
Nguồn: GSO, MOIT, VPBankS Research tổng hợp

Nguồn cung xăng dầu cơ bản ổn định: trong 6 tháng đầu năm, sản lượng xăng dầu sản xuất đạt 8,73 triệu tấn, tăng 8,9% so với cùng kỳ 2023, sản lượng nhập khẩu đạt 5,55 triệu tấn (+6,3%yoy), sản lượng xuất khẩu đạt 1,18 triệu tấn (+6%yoy).

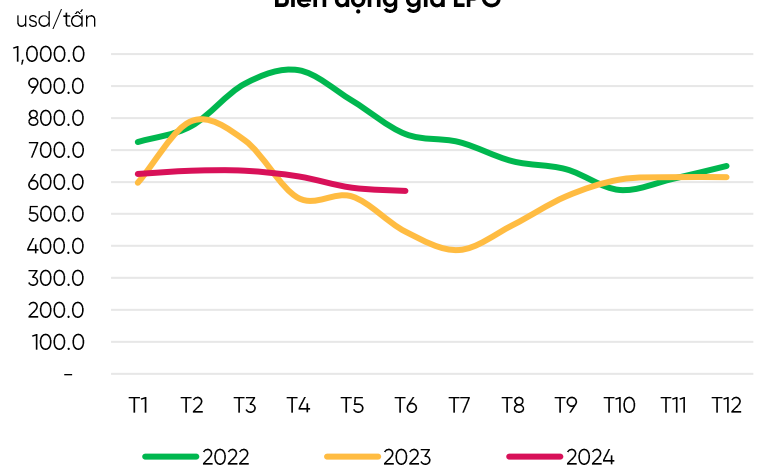
Sản lượng tiêu thụ xăng dầu cả nước 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 12,3 triệu tấn. Cụ thể trong quý 1 là khoảng 6 triệu tấn, quý 2 vào khoảng 6,3 triệu tấn.

Hoạt động kinh doanh xăng dầu tiếp tục được điều chỉnh bám sát thị trường. Nghị định số 80/NĐ-CP sửa đổi bổ sung ND95 (2021) và ND 83 (2014) có hiệu lực từ ngày 17/11/2023. Theo đó giá xăng dầu điều chỉnh theo tuần (thứ Năm hàng tuần) để bám sát tình hình biến động của thị trường xăng dầu quốc tế. **Trong 6 tháng đầu năm, đã có 25 lần thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu, trong đó có 14 lần tăng và 11 lần giảm.**

Biến động giá dầu thô



Biến động giá LPG



Nguồn: Bloomberg, VPBankS Research tổng hợp

PHỤ LỤC TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh	2022A	2023A	2024F
Doanh thu	304,064	273,979	288,858
Giá vốn hàng bán	-291,744	-258,715	-271,806
Lợi nhuận gộp	12,320	15,264	17,052
Doanh thu tài chính	1,949	2,743	1,887
Chi phí tài chính	-1,706	-1,724	-1,742
Chi phí bán hàng	-10,500	-12,140	-12,565
Chi phí QLDN	-823	-949	-1,011
Lợi nhuận thuần hđkd	1,942	3,818	4,058
Lợi nhuận trước thuế	2,270	3,947	4,195
Lợi nhuận sau thuế	1,902	3,077	3,356
Lợi nhuận cơ công ty mẹ	1,450	2,834	3,144
Lợi nhuận cổ đông thiểu số	452	243	212

Tài sản- Nguồn vốn	2022A	2023A	2024F
Tài sản ngắn hạn	50,170	57,309	61,826
Tiền tương đương tiền	11,606	14,049	20,081
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7,098	16,496	12,000
Khoản phải thu	12,674	10,976	12,662
Hàng tồn kho	17,232	14,640	15,638
Tài sản ngắn hạn khác	1,560	1,148	1,444
Tài sản dài hạn	24,305	22,367	21,265
Tài sản cố định	14,405	13,769	12,733
Tài sản dở dang dài hạn	557	920	1,103
Tài sản dài hạn khác	9,343	7,679	7,429
Tổng tài sản	74,475	79,676	83,091
Nợ phải trả	46,693	50,473	52,691
Nợ phải trả ngắn hạn	45,695	49,660	51,301
Phải trả người bán ngắn hạn	32,078	30,513	32,021
Vay và nợ ngắn hạn	13,590	19,135	19,135
Phải trả ngắn hạn khác	27	12	144
Nợ phải trả dài hạn	998	813	1,390
Vay và nợ dài hạn	823	647	1,147
Phải trả dài hạn khác	175	166	243
Vốn chủ sở hữu	27,782	29,202	30,400
Vốn góp của chủ sở hữu	12,939	12,939	12,939
Quỹ đầu tư phát triển	8,848	8,806	9,126
Lợi nhuận ST chưa phân phối	2,706	4,195	5,009
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	3,289	3,263	3,326
Tổng nguồn vốn	74,475	79,676	83,091

Lưu chuyển dòng tiền	2022A	2023A	2024F
Dòng tiền thuần hđ kinh doanh	5,092	5,274	3,951
Dòng tiền thuần hđ đầu tư	3,004	-7,075	3,726
Dòng tiền thuần hđ tài chính	-2,706	4,244	-1,644

Hệ số tài chính	2022A	2023A	2024F
-----------------	-------	-------	-------

Hệ số hiệu quả	2022A	2023A	2024F
Biên lợi nhuận gộp	4.05%	5.57%	5.9%
EBITDA Margin	2.02%	2.53%	2.5%
Biên lợi nhuận ròng	0.63%	1.12%	1.2%
ROE	6.12%	9.48%	10.0%
ROA	2.55%	3.86%	4.0%

Hệ số tăng trưởng	2022A	2023A	2024F
Tăng trưởng doanh thu	79.9%	-9.9%	5.4%
Tăng trưởng LNTT	-40.1%	73.9%	6.3%
Tăng trưởng LNST	-48.9%	95.4%	10.9%
Tăng trưởng EPS	-48.9%	95.4%	11.9%

Hệ số thanh khoản	2022A	2023A	2024F
Hệ số thanh toán hiện hành	1.10	1.15	1.21
Hệ số thanh toán nhanh	0.72	0.86	0.90
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.63	0.63	0.63
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1.68	1.73	1.73
Hệ số đảm bảo chi phí lãi vay	2.95	3.42	3.10

Hệ số định giá	2022A	2023A	2024F
Lợi suất cổ tức	1.9%	3.6%	4.8%
EPS (VND)	799	2,211	2,474
BVPS (VND)	19,277	20,415	21,308

Nguồn: BCTC PLX, VPBankS Research tổng hợp và dự báo

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo, Khối Nghiên Cứu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Khối Nghiên Cứu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích cùng các định giá nằm trong báo cáo phân tích (nếu có) nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích và các tài liệu đi kèm được lập bởi Khối Nghiên Cứu – CTCP Chứng Khoán VPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán VPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 25, tòa nhà VPBANK, số 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: cskh@vpbanks.com.vn

Website: www.vpbanks.com.vn

Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu

Email: research@vpbanks.com